

Phiếu an toàn hóa chất
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2023.01.22

Số phiên bản 12

Sửa lại: 2023.01.22

*** Phần 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp**

- **Phân loại sản phẩm**
- **Tên thương mại** **tesa 54651**
- **Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng:** Không có thêm thông tin có liên quan.
- **Loại hàng hóa** PC0 Khác
Chất kết dính, chất bịt kín PC1
băng keo
- **Hướng dẫn sử dụng**
- **Nhà sản xuất / Nhà phân phối:** tesa Manufacturing Hamburg
Schnackenburgallee 160
D-22525 Hamburg
Tel.: +49(0)40 - 4909 5621

tesa SE
Hugo-Kirchberg-Strasse 1
D-22848 Norderstedt
Tel.: +49-40-88899-101
Germany
- **Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở:** tesa SE, Corporate Regulatory Affairs
SDS@tesa.com, Tel.: +49-40-88899-6954
- **Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp** Reception Headquarters
tesa SE, Hugo-Kirchberg-Str. 1, 22848 Norderstedt, Germany
Phone: +49 40 88899 2667 (Mon.-Thurs. 07:00-18:00h, Fr. 07:00-15:00h)

*** Phần 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất**

- **Phân loại chất và hỗn hợp** Sản phẩm này không được phân loại theo Hệ thống Hải hòa Toàn Cầu (GHS)
- **Các phần tử nhãn hiệu**
- **Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của CLP
- **Các hình biểu thị sự nguy hiểm** khoảng trống
- **Từ cảnh báo** khoảng trống
- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm** khoảng trống
- **Các dấu hiệu nguy hiểm khác:** The product contains no elutable organic halogens, which will increase the AOX-values of the waste water.
Sản phẩm không chứa bất kỳ hợp chất halogen liên kết hữu cơ (AOX), nitrat, hợp chất kim loại nặng nào (tổng dưới 100 ppm) và formaldehyde.
- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results**
- **PBT:** Không được áp dụng
- **vPvB:** Không được áp dụng

*** Phần 3: Thông tin về thành phần các chất**

- **Hỗn hợp chất**
- **Mô tả** Sao lưu: rayon
Ngâm tẩm: đồng trùng hợp este axit acrylic
Lớp tách: Vinyl Clorua Copolymer
Chất kết dính: Hỗn hợp cao su tự nhiên và nhựa kết dính, chứa đầy các chất màu (chất độn)
Bìa: phát hành giấy
- **Các chất thành phần nguy hiểm:** khoảng trống
- **SVHC** Không chứa các chất SVHC hoặc <0,1%

(Xem tiếp ở trang 2)

VN

Phiếu an toàn hóa chất
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2023.01.22

Số phiên bản 12

Sửa lại: 2023.01.22

Tên thương mại tesa 54651

(Xem tiếp ở trang 1)

- Quy định (Tiêu chuẩn Châu Âu) về chất tẩy rửa và ghi nhãn nội dung SĐ. 648/2004

bỏ qua

- Các hướng dẫn đính kèm:

Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

Phần 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

- Mô tả về các biện pháp sơ cứu

- Hướng dẫn chung:

Không yêu cầu biện pháp đặc biệt

- Sau khi hít vào:

Khoảng chống

- Sau khi tiếp xúc với da:

Nhìn chung sản phẩm không gây kích ứng da

Rửa bằng nước ấm

- Sau khi tiếp xúc với mắt:

Khoảng chống

- Sau khi nuốt phải:

Khoảng chống

- Thông tin dành cho bác sĩ:

Khoảng chống

- Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:

Khoảng chống

- Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt

Khoảng chống

*** Phần 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

- Các phương tiện chữa cháy

- Các giải pháp chữa cháy thích hợp

Use Sử dụng phương pháp chữa cháy phù hợp với điều kiện môi trường xung quanh

- Các biện pháp chữa cháy không thích hợp vì lý do an toàn:

Tia nước

- Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp

Đám cháy có thể sinh ra những khí sau:

Hydro chloride (HCl)

Nitơ ôxit (NOx)

Carbon monoxide (CO)

Carbon dioxide (CO2)

Khi xảy ra cháy chắc chắn sẽ có dấu hiệu của khí độc

- Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy

- Các thiết bị bảo vệ

Mặt nạ phòng độc

Không hít khí do nổ hay cháy

- Các thông tin kèm theo

Không

Phần 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Không yêu cầu

- Các cảnh báo về môi trường

Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào

- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Dọn bằng máy

- Liên hệ đến các phần khác

Không tạo thành chất nguy hiểm

Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn

Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân

Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

(Xem tiếp ở trang 3)

Phiếu an toàn hóa chất
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2023.01.22

Số phiên bản 12

Sửa lại: 2023.01.22

Tên thương mại tesa 54651

(Xem tiếp ở trang 2)

Phần 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

- Xử lý
 - Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn
 - Thông tin về các biện pháp chống cháy,
 - Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích
 - Lưu trữ:
 - Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa
 - Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường
 - Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ
 - Tác dụng của sản phẩm
- Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt
- Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt
- Không có yêu cầu đặc biệt nào
- Không yêu cầu
- Không
- Không có thêm thông tin liên quan

*** Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**

- Thông tin thêm về thiết kế các phư
ơng tiện kỹ thuật
 - Các thông số kiểm soát
 - Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc
 - Thông tin bổ sung
 - Kiểm soát các tình huống nguy hiểm
 - Các thiết bị an toàn cá nhân
 - Bảo vệ đường hô hấp:
 - Bảo vệ tay
 - Chất liệu của găng tay
 - Thời gian xâm nhập của găng tay
vật liệu
 - Bảo vệ mắt Eye
- Không có thêm dữ liệu; xem mục 7
- Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở
- Không yêu cầu
- Không yêu cầu
- Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào các điều kiện sử dụng, chẳng hạn như tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng kháng hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày và độ vừa vặn của găng tay. Về nguyên tắc, các thông tin cần thiết phải được lấy từ nhà sản xuất găng tay. Găng tay bị nhiễm bẩn hoặc bị hư hỏng nên được thay thế ngay lập tức.
- Việc phá vỡ chính xác qua thời gian đã được phát hiện bởi các nhà sản xuất găng tay bảo vệ và phải được giám sát
- Không yêu cầu

*** Phần 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất**

- Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản
 - Thông tin tổng quát
 - Diện mạo:
 - Hình thức::
 - Màu sắc
 - Mùi:
 - Ngưỡng mùi:
 - Độ pH
 - Thay đổi trong điều kiện
 - Điểm tan / Phạm vi tan
- Vật liệu rắn
- Theo đặc tả của sản phẩm
- Gần như không mùi
- Không xác định.
- Không thể áp dụng.
- Không xác định

(Xem tiếp ở trang 4)

Phiếu an toàn hóa chất
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2023.01.22

Số phiên bản 12

Sửa lại: 2023.01.22

Tên thương mại tesa 54651

(Xem tiếp ở trang 3)

Điểm sôi / Phạm vi sôi	Không xác định.
· Điểm cháy	Không thể áp dụng.
· Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không có khả năng áp dụng
· Nhiệt độ cháy:	Không có khả năng áp dụng
· Nhiệt độ phân hủy:	Không xác định.
· Nhiệt độ tự cháy	Sản phẩm không tự bốc cháy.
· Nguy hiểm do cháy nổ:	Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ
· Giới hạn nổ: Dưới: Trên:	Không xác định Không xác định.
· Áp suất hóa hơi	Không thể áp dụng.
· Mật độ: · Mật độ tương đối: · Mật độ của hơi: · Tỷ lệ hóa hơi	Không xác định. Không xác định. Không thể áp dụng. Không thể áp dụng.
· Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với: Nước:	Không thể hòa tan.
· Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):	Không xác định.
· Độ nhớt: Động Tĩnh	Không thể áp dụng. Không thể áp dụng.
· Thành phần dung môi: Dung môi hữu cơ:	Residual solvent content in tape: much smaller than 0,1 weight-%
Thành phần chất rắn:	100.0 %
· Thông tin khác:	Không có thông tin chi tiết tương ứng

Phần 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

· Khả năng phản ứng	Không có thêm thông tin liên quan
· Tính ổn định	
· Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::	Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.
· Khả năng phản ứng nguy hiểm:	Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết tới.
· Các điều kiện cần tránh:	Không có thêm thông tin liên quan
· Vật liệu không tương thích	Không có thêm thông tin liên quan.
· Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

*** Phần 11: Thông tin về độc tính**

· Thông tin về các hiệu ứng độc tính:	
· Ngộ độc cấp tính:	
· Hiệu ứng kích thích sơ cấp:	
· Trên mắt:	Không có tác dụng kích ứng.
· Độ nhạy cảm	Không có tác dụng mẫn cảm nào được biết tới.

(Xem tiếp ở trang 5)

Phiếu an toàn hóa chất
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2023.01.22

Số phiên bản 12

Sửa lại: 2023.01.22

Tên thương mại tesa 54651

(Xem tiếp ở trang 4)

- **Thông tin thêm về độc tính::** The product contains in the adhesive a small amount of a colophonium resin. Colophonium resins may cause skin irritations. Sản phẩm này không phân loại theo phương pháp tính toán hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất. Theo kinh nghiệm và thông tin chúng tôi cung cấp, nếu sử dụng và cầm theo đúng quy cách, sản phẩm này sẽ không có bất cứ tác hại nào.

Phần 12: Thông tin về sinh thái

- **Độc tính**
- **Thủy sản độc tính:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sự kiên trì và khả năng nhặt dần:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Hành vi trong các hệ thống môi trường:**
- **Khả năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Độ linh động trong đất** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Bổ sung thông tin sinh thái:**
- **Theo chỉ thị của EU Số 2006/11/EG, công thức có chứa các kim loại nặng và các hợp chất sau** Free of heavy metals (Pb, Cd, Hg, Cr6+)
Không chứa biphenyl được polybrom hóa (PBB) và ete diphenyl polybromated (PBDE) theo chỉ thị RoHS.
Thông thường không độc hại với nước.
- **Ghi chú tổng quát:**
- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB**
- **PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.
- **vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.
- **Các hiệu ứng bất lợi** Không có thêm thông tin liên quan.

* Phần 13: Thông tin về thải bỏ

- **Phương pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị** Số lượng nhỏ hơn có thể được xử lý cùng với rác thải sinh hoạt
Energy recovery: The product can be applied to a suitable waste incineration plant for mixed waste.
Energy recovery by incineration in an approved waste incineration plant.
Consider the applicable regulations of the country, the State or local area.
For larger amounts of waste: consult the authorities prior the disposal.
- **Bao bì bán** Void

Phần 14: Thông tin khi vận chuyển

- | | |
|---------------------------------------|--------------|
| · Mã LHQ (UN) | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | khoảng trống |
| · Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | khoảng trống |
| · vận chuyển các lớp học nguy hiểm | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | |
| · lớp | khoảng trống |
| · Nhóm bao bì | |
| · ADR, IMDG, IATA | khoảng trống |

(Xem tiếp ở trang 6)

Phiếu an toàn hóa chất
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2023.01.22

Số phiên bản 12

Sửa lại: 2023.01.22

Tên thương mại tesa 54651

(Xem tiếp ở trang 5)

· Các môi trường nguy hiểm:	
· Ô nhiễm biển:	Không
· Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:	Không có khả năng ứng dụng.
· Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC	Không có khả năng ứng dụng.
· Vận chuyển/ Thông tin thêm:	Không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn ở trên.
· Mẫu chuẩn của LHQ:	khoảng trống

*** Phần 15: Thông tin về pháp luật**

· An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp	
· Kho hóa chất và chất hóa học của Philippin	Không có các thành phần được liệt kê.
· Lập kế hoạch cho thuốc và chất độc theo mẫu chuẩn	Không có các thành phần được liệt kê.
· Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - phụ lục I	Không có các thành phần được liệt kê.
· Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp - phụ lục II	Không có các thành phần được liệt kê.
· Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất - phụ lục IV - Ngưỡng khối lượng hóa chất tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm (kg)	Không có các thành phần được liệt kê.
· Danh mục hóa chất phải khai báo - phụ lục V	Không có các thành phần được liệt kê.
· Quy định quốc gia	tránh
· Bổ sung phân loại theo nghị định về chất nguy hiểm, Phụ lục II	Khoảng chống
· Thông tin về giới hạn sử dụng	Khoảng chống
· Đánh giá an toàn hóa chất:	Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

Phần 16: Các thông tin cần thiết khác

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.
Sản phẩm này (nhóm sản phẩm này) không phải là một chất độc hại theo nghĩa của GefStoffV hiện có hiệu lực. Do đó, bảng dữ liệu an toàn này không phải tuân theo dịch vụ cập nhật tự động theo GefStoffV § 6 Đoạn 1.

· Nơi phát hành bằng hướng dẫn an toàn hóa chất:	tesa SE, Corporate Regulatory Affairs
· Liên hệ:	tesa SE, Corporate Regulatory Affairs, Email: SDS@tesa.com, Tel.: +4940-88899-0
· Ngày tháng biên soạn phiếu:	1994.01.20
· Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	2023.01.22
· Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:	ADR: Accord relatif au transport international des marchandises dangereuses par route (European Agreement Concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road) IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods IATA: International Air Transport Association

(Xem tiếp ở trang 7)

Phiếu an toàn hóa chất
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2023.01.22

Số phiên bản 12

Sửa lại: 2023.01.22

Tên thương mại tesa 54651

(Xem tiếp ở trang 6)

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances
ELINCS: European List of Notified Chemical Substances
CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)
PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic
SVHC: Substances of Very High Concern
vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

· ***Số liệu so với các biên bản trước
đã có thay đổi ***

VN
